

ĐÔI NÉT VỀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CHĂM SO SÁNH VỚI TÍN NGƯỠNG CỦA CÁC DÂN TỘC NAM ĐẢO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Người Chăm là dân tộc đã sáng lập nền văn hoá Chăm pa rực rỡ gắn với sự tồn tại của vương quốc cổ Chăm pa trong lịch sử. Cùng với dân tộc Chăm, văn hoá Champa còn cơ sự đóng góp nhất định của các dân tộc Ê đê, Gia rai, Chu ru và Raglai. Vì thế, việc nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian của dân tộc Chăm trong mối liên hệ so sánh với tín ngưỡng của các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynésien không chỉ dừng lại ở những hiểu biết về những tác động của tín ngưỡng dân gian Chăm trong quá trình phát triển lịch sử của dân tộc Chăm mà còn chỉ ra những yếu tố chung nhất là nền tảng văn hoá Nam Á cùng hệ quả của những quá trình giao lưu văn hoá giữa các dân tộc trên địa hạt tín ngưỡng.

Tín ngưỡng dân gian Chăm vốn bắt nguồn từ nền văn hoá Nam Á với những nét đặc trưng của một nền sản xuất nông nghiệp lúa nước. Vì vậy, từ rất xa xưa, người Chăm đã có nhiều hình thức tín ngưỡng nguyên thủy liên quan nhiều đến nông nghiệp. Các tín ngưỡng vật tổ tín ngưỡng đa thần tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên các lễ nghi nông nghiệp thường thấy trong văn hoá tinh thần của họ. Tín ngưỡng dân gian của người Chăm hiện nay đã có sự kế thừa sâu sắc các hình thức tôn giáo tín ngưỡng nguyên thủy nói trên và được bảo lưu khá đậm nét trong cộng đồng người Chăm Bà La Môn. Sự tồn tại dai dẳng các hình thức tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc Chăm xuất phát từ những hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm vai trò quan trọng trong đời sống của các cư dân người Chăm tại khu vực Ninh-Bình Thuận và chịu những tác động nhất định của các tôn giáo.

Đông Nam Á là nơi hội tụ nhiều nền văn minh trong lịch sử và cũng chính nơi đây đã diễn ra nhiều quá trình giao lưu văn hoá trong khu vực. Thực tế lịch sử cho thấy: các luồng văn hoá từ bên ngoài khi hội nhập vào khu vực đều có sự tương tác và được dung hoà bằng nền văn hoá bản địa giàu sức sống để trở thành một dạng thức văn hoá mang sắc thái của khu vực Đông Nam Á nhiệt đới gió mùa. Văn hoá Chăm nói chung và tín ngưỡng dân gian Chăm nói riêng trong tiến trình vận động và phát triển cũng không nằm ngoài quy luật nói trên.

Tín ngưỡng dân gian Chăm trong lịch sử phát triển đã có những gắn bó mật thiết với các tôn giáo và đã dẫn đến những biến đổi của Bà La Môn Giáo và Hồi Giáo khi du nhập vào xã hội người Chăm. Ngược lại, tín ngưỡng dân gian Chăm cũng chịu những tác động nhất định của tôn giáo khác, đó là hệ quả của quá trình hội nhập giữa tín ngưỡng nguyên thủy Chăm (yếu tố nội sinh) với các tôn giáo du nhập từ bên ngoài

(yếu tố ngoại sinh) vào xã hội Chăm qua các thời kỳ lịch sử. Cũng chính sự hiện diện của các tôn giáo du nhập đã phân hoá xã hội Chăm thành ba cộng đồng tôn giáo là: cộng đồng người Chăm Bà La Môn, cộng đồng người Chăm Bà Ni và cộng đồng người Chăm Islam với mức độ ảnh hưởng ít nhiều của tín ngưỡng dân gian Chăm trong các cộng đồng tôn giáo kể trên.

Rõ ràng, sự phân hoá cộng đồng người Chăm thành ba nhóm tôn giáo đã chứng tỏ ở cộng đồng này, vấn đề dân tộc có sự gắn bó chặt chẽ với tín ngưỡng và tôn giáo. Đồng thời, bản sắc dân tộc cũng được biểu hiện thông qua từng cộng đồng tôn giáo với những mức độ khác nhau. Chính tín ngưỡng dân gian Chăm là tác nhân chủ yếu dẫn đến những biến đổi về chất của Bà La Môn Giáo và Hồi Giáo để trở thành đạo Bà La Môn "Chăm hoá" và đạo Bà Ni mang bản sắc Chăm đậm nét. Nghĩa là, dưới tác động của tín ngưỡng dân gian Chăm, Bà La Môn Giáo và Hồi Giáo(1) không còn giữ được nguyên gốc mà đã mang sắc thái tín ngưỡng dân gian đậm nét.

Mặc dù mang những yếu tố khác biệt nhất định giữa tín ngưỡng dân gian của người Chăm so với những tín ngưỡng dân gian ở các dân tộc Gia rai, Ê đê, Chu ru, Raglai song có thể dễ dàng tìm thấy những mẫu số chung về tín ngưỡng ở các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai- Đa Đảo đó là tín ngưỡng đa thần và các lễ nghi nông nghiệp.

Thật vậy, người Gia rai tin tưởng và thờ cúng nhiều loại *yang* (thần) như: *Yang Chư* (Thần Rừng Núi), *Yang Ktăn* (Thần Sét), *Yang Hma* (Thần Ruộng Nương), *Yang Pên Ia* (Thần Bến Nước) cùng các yang khác như *Yang A La Bôn* (Thần Làng), *Yang Sang* (Thần Nhà), *Yang Hri* (Thần Lúa), *Yang Bnú* (Thần Cây Đa)... Đặc biệt, người Gia rai còn thờ các vị thần sống là *Patao Ia* (Vua Nước) và *Patao Pui* (Vua Lửa) mà theo quan niệm của người Gia rai, hai vị đó có thể làm cho trời đất thay đổi, chuyển hạn thành mưa... *Patao Pui* và *Patao Ia* về mặt nào đó là một loại hình tín ngưỡng đặc thù chỉ có ở dân tộc Gia rai, truyền thuyết cho biết hai vị vua này vốn có những gắn bó với sự tồn tại một thời trong lịch sử của hai vương quốc "*Hoả Xá*" và "*Thuỷ Xá*" thuộc vùng đất Tây Nguyên ngày nay.

Cũng như người Gia rai, người Ê đê có một hệ thống thần linh phong phú được quan niệm cụ thể hơn trong thế giới hai tầng: đất và trời, mỗi tầng đều có các thần thiện và thần ác. Các thần ở tầng đất có thể kể đến hai anh em thần Yang Thua và Kbua Lăn giữ nhiệm vụ cai quản mặt đất, tạo nên dòng nước và cây cỏ, giúp lúa má mau lớn. Yang Bung Sôk là vị thần trông coi về số mệnh. Các thần Yang Mnút Hra, thần Cây Đa, thần Cây Sung chuyên trông nom nguồn nước, chăm sóc dân làng và trẻ sơ sinh. Ở tầng trời có các thần thiện Aê Điê, Aê Đu là những vị thần toàn thiện, toàn mỹ, là mẫu mực cho cuộc sống loài người. Dưới hai vị thần này là các Thần Đất, Thần Nước, Thần Núi Rừng, Thần Mưa (Aê Yut), Thần Sấm Sét (Yang Grăm)...ngoài ra còn có Thần Mặt Trời (Yang Hroê), Thần Mặt Trăng (Yang Mlan). Trái với các thần nông nghiệp là thiện, các vị thần thời tiết đa phần là ác, điển hình Yang Liê - vị thần chuyên gây ra mưa bão phá hại mùa màng.

Tương tự, người Raglai cũng có quan niệm về sự hiện diện của một thế giới thần linh (Yang) cùng tồn tại trong không gian sinh tồn của con người. Các vị thần này

cũng có hai loại là thần thiện và thần ác, tuy nhiên cả hai loại thần đều có thể đem đến tai họa cho con người. Mặc dầu vậy, khi được hiến tế để thỉnh cầu, các Yang có khả năng trợ giúp cho con người. Một số vị thần tiêu biểu trong thế giới thần linh có thể kể đến Thần Núi (Yang Choh), Thần Rừng (Yang Glai), Thần Lúa (Yang Paday)... Ngoài ra, người Raglai còn có một hệ thống các vị thần sáng thế được kể lại qua các truyền thuyết như Kay Masari, Hay Karam, Mu Pila... song không còn thấy nhắc đến trong các lễ nghi hiến tế, cúng bái. Đặc biệt, linh hồn người chết (asu) cũng được quan niệm là thần với tên gọi là "*Nhang Vang*" và được kính trọng vào bậc nhất, ngang hàng với Thần Núi, bởi vì các vong linh này thường xuyên quấy phá cuộc sống con người, gây nên những nỗi sợ hãi mà con người khó có thể nhận biết để có thể tránh né được.

Ở người Chu ru, trong các lễ nghi nông nghiệp, người ta cúng tế các vị thần như Thần Đập Nước (Bơ Mung), Thần Mương Nước (Rơ Bông) và Thần Lúa. Ở mỗi vùng cư trú của người Chu ru, có một nơi được dành riêng để cúng thần Bơ Mung hàng năm (vào khoảng tháng hai âm lịch). Ngoài các vị thần kể trên, người Chu Ru còn cúng Yang Wer là một vị thần có nhiều quyền phép, thường cư ngụ trong cây cổ thụ ở gần làng.

Qua nghiên cứu về hình thái tín ngưỡng trong tang ma của các dân tộc Malayo-Polynésien, có thể dễ dàng nhận thấy sự hiện diện của lễ Pothi (mà một số nhà nghiên cứu gọi là Lễ Bỏ Mả) ở các dân tộc Ê đê, Gia rai, Raglai và Chu ru nhưng lại không tìm thấy nghi lễ này ở dân tộc Chăm. Sở dĩ người Chăm không có Pothi như các dân tộc anh em trong ngữ hệ Nam Đảo bởi vì các nghi thức tang lễ đã chịu sự chi phối mạnh mẽ của tôn giáo. Người Chăm theo đạo Islam và Bà Ni tuy cùng táng người chết theo kiểu thổ táng nhưng có sự khác biệt nhất định: huyệt mộ của người Chăm Bà Ni không đắp nấm như người Việt, cũng không có mộ bia như người Chăm Islam nhưng được đắp bằng mặt và có hai viên đá đánh dấu ở vị trí đầu và chân. Còn ở người Chăm Bà La Môn, sau khi qua giai đoạn hoả táng, một bộ phận hài cốt của người chết được tập trung trong *kut*(2). Ở đây, tôn giáo đã có những tác động đến các hình thức tín ngưỡng trong tang ma và tạo nên môi trường bảo lưu các yếu tố văn hoá này khá vững chãi trong quá trình giao lưu văn hoá giữa các dân tộc.

Từ khi Công Giáo và Tin Lành thâm nhập vào xã hội các dân tộc Ê đê, Gia rai, Raglai và Chu ru, đã xảy ra hiện tượng giao thoa với văn hoá truyền thống mà hệ quả là sự xuất hiện yếu tố tôn giáo đan xen trong các sinh hoạt tín ngưỡng hoặc ngược lại. Cụ thể ở người Ê đê, sau khi làm Lễ rửa tội (một nghi thức tôn giáo của Công Giáo hoặc Tin Lành), người ta tổ chức cúng Yang tại buôn gọi là "cúng rửa tội". Ở người Gia rai, có sự du nhập của các lễ hội dân gian vào trong khuôn viên thánh đường. Đặc biệt, những người Chu ru theo Công Giáo cũng làm Lễ bỏ mả tại *kut*(3) và sau khi tiến hành Pothi, *kut* được xây bít bên trên theo dạng khối chóp, một đầu có gắn cây thánh giá. Nhìn chung, sự hiện diện của tôn giáo ở các cộng đồng người Ê đê, Gia rai, Raglai và Chu ru chỉ dừng lại ở phạm vi giao lưu văn hoá mà không dẫn đến sự phân hoá dân tộc thành các cộng đồng tôn giáo như ở dân tộc Chăm.

Bên cạnh những hình thức tín ngưỡng mang tính tích cực như tục thờ Bà Chúa Xứ Po Nagar, tục sùng bái các anh hùng dân tộc của người Chăm, tục thờ cúng tổ tiên của các dân tộc Nam Đảo... vẫn còn tồn tại những tín ngưỡng ít nhiều mang các biểu hiện lạc hậu, tiêu cực và có tính hủ tục cần chấn chỉnh hoặc loại trừ. Các biểu hiện lạc hậu điển hình có thể kể đến những tập tục tang ma phiền phức, lãng phí, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người như tục chia của và tục chôn chung (mà ngày nay đã giảm dần) trong tang lễ ở các dân tộc Ê đê, Gia rai, Raglai và Chu ru. Đó là sự rườm rà và tốn kém trong việc tổ chức các lễ nghi nông nghiệp, các nghi lễ cúng tế thần linh. Ngoài ra, còn một số tập tục lạc hậu khác ít nhiều vẫn tồn tại như tục sinh đẻ ở ngoài rừng, quan niệm mê tín về Ma Lai, những nghi lễ hiến sinh gây lãng phí thời gian và tiền của... Rõ ràng sự bài trừ mê tín dị đoan và điều chỉnh những lệch lạc trong các hành vi tín ngưỡng là một việc làm cần thiết, bởi lẽ sự duy trì các tập tục lạc hậu là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự đói nghèo và ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng ở các dân tộc ít người.

Tóm lại, từ sự so sánh đối chiếu giữa tín ngưỡng dân gian của dân tộc Chăm với tín ngưỡng của các dân tộc Ê đê, Gia rai, Raglai và Chu ru, chúng ta nhận thấy có một mẫu số chung trong tín ngưỡng của năm dân tộc Malayo-Polynésien nói trên là tín ngưỡng đa thần và các lễ nghi nông nghiệp. Các dấu hiệu tương đồng đó là một bằng chứng xác thực về sức sống mãnh liệt của nền Văn hoá Nam Á bản địa, nó chứng tỏ mối liên hệ cội nguồn giữa các dân tộc trong tiến trình phát triển lịch sử. Bên cạnh các yếu tố chung cũng xuất phát từ một cội nguồn văn hoá bản địa, còn có những yếu tố chung xuất hiện giữa các dân tộc thông qua tiến trình giao lưu văn hoá, cụ thể như lễ hội Pothi của các dân tộc Ê đê, Gia rai, Raglai, Chu ru và đa số các dân tộc ở Tây Nguyên. Mặt khác, sự hiện diện của các tôn giáo dẫn đến một số biến đổi trong đời sống văn hoá và tín ngưỡng của từng cộng đồng người và chính tôn giáo trở thành một môi trường sàng lọc và bảo lưu những yếu tố tín ngưỡng dân gian tương thích. Thậm chí, tôn giáo còn phân hoá dân tộc thành các cộng đồng với từng bản sắc văn hoá riêng cho mỗi cộng đồng theo từng tôn giáo và những tác động đó có thể tìm thấy ở dân tộc Chăm.

Chú thích

(1) Khái niệm Hồi Giáo ở đây được hiểu là Hồi Giáo đợt đầu truyền vào Chăm pa vào thế kỷ thứ X, nó hoàn toàn khác với Hồi Giáo các đợt sau (rất ít chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian Chăm) do cộng đồng người Chăm cư trú tại Kampuchia tiếp nhận trong quá trình lưu tán kể từ cuối thế kỷ XVII dẫn đến sự hình thành cộng đồng người Chăm Islam Nam Bộ.

(2). Kut là nghĩa địa tính theo họ mẹ của người Chăm Bà La Môn, nơi lưu giữ chín miếng xương trán của người chết được tách ra khỏi thi thể trong lúc đang thiêu.

(3). Khác với kut Chăm, kut của người Chu ru là một huyết mộ chung cho dòng họ xuất phát từ tục chôn chung phổ biến ở Tây Nguyên, hiện nay đã thấy xuất hiện các ngôi mộ đơn, có lẽ do chịu ảnh hưởng của văn hoá Việt.